



Centers for Disease Control and Prevention
CDC 24/7: Saving Lives, Protecting People™

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 17 tháng 7 năm
2020

[In](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

3,555,877

72,045 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

137,864

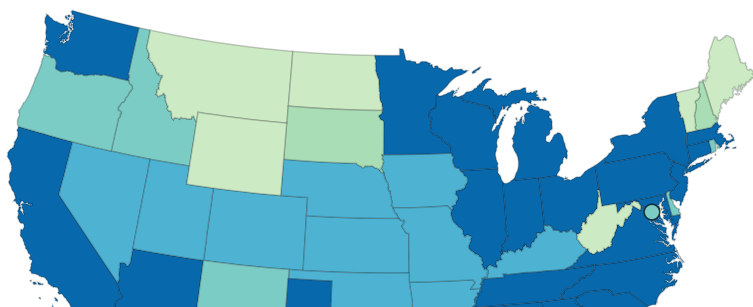
926 Số Ca Tử Vong Mới*

Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

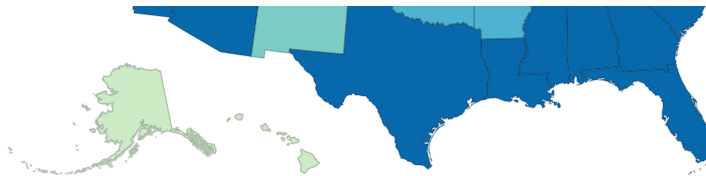
Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- ☐ 0 đến 1.000
- ☐ 1,001 đến 5,000
- ☐ 5,001 đến 10,000
- ☐ 10,001 đến 20,000
- ☐ 20,001 đến 40,000
- ☐ 40.001 trở lên



AS GU MH FM MP PW PR VI



Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Số ca bệnh đã xác nhận	Số ca bệnh có thể có	Tổng Số Ca
☐ Alabama	60,212	931	61,143
☐ Alaska	N/A	N/A	1,693
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	133,838	775	134,613
☐ Arkansas	N/A	N/A	31,114
☐ California	N/A	N/A	356,178
☐ Colorado	35,690	3,036	38,726
☐ Connecticut	45,771	1,979	47,750
☐ Delaware	12,355	982	13,337
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	11,076
☐ Florida	N/A	N/A	311,640
☐ Georgia	N/A	N/A	131,275
☐ Guam	N/A	N/A	314
☐ Hawaii	N/A	N/A	1,209
☐ Idaho	12,295	838	13,133
☐ Illinois	157,950	1,132	159,082
☐ Indiana	N/A	N/A	54,080
☐ Iowa	N/A	N/A	37,132
☐ Kansas	20,479	454	20,933
☐ Kentucky	20,118	965	21,083
☐ Louisiana	N/A	N/A	86,411
☐ Maine	3,239	397	3,636
☐ Marshall Islands	N/A	N/A	0
☐ Maryland	N/A	N/A	76,371
☐ Massachusetts	106,271	6,310	112,581
☐ Michigan	71,842	7,997	79,839
☐ Micronesia	N/A	N/A	0
☐ Minnesota	N/A	N/A	45,013
☐ Mississippi	40,357	471	40,828
☐ Missouri	N/A	N/A	30,422
☐ Montana	2,342	0	2,342

☐ Nebraska 	N/A	N/A	22,134
☐ Nevada 	N/A	N/A	32,120
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	6,139
☐ New Jersey 	N/A	N/A	176,501
☐ New Mexico 	N/A	N/A	16,138
☐ New York 	N/A	N/A	184,408
☐ New York City 	217,562	4,624	222,186
☐ North Carolina 	N/A	N/A	93,426
☐ North Dakota 	N/A	N/A	4,792
☐ Northern Marianas 	37	0	37
☐ Ohio 	66,540	4,061	70,601
☐ Oklahoma 	22,725	182	22,907
☐ Oregon 	13,509	0	13,509
☐ Palau 	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania 	96,651	2,827	99,478
☐ Puerto Rico 	3,272	7,848	11,120
☐ Rhode Island 	N/A	N/A	17,711
☐ South Carolina 	63,880	203	64,083
☐ South Dakota 	N/A	N/A	7,694
☐ Tennessee 	70,881	659	71,540
☐ Texas 	N/A	N/A	292,656
☐ Utah 	32,312	275	32,587
☐ Vermont 	N/A	N/A	1,325
☐ Virgin Islands 	N/A	N/A	263
☐ Virginia 	72,516	2,917	75,433
☐ Washington 	N/A	N/A	44,313
☐ West Virginia 	4,535	122	4,657
☐ Wisconsin 	39,627	3,512	43,139
☐ Wyoming 	1,644	382	2,026

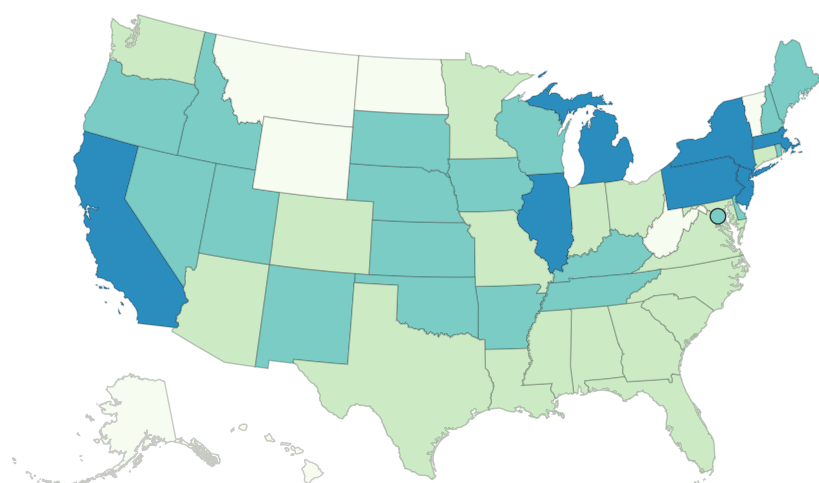
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Số ca tử vong đã báo cáo

- ☐ 0 to 100
- ☐ 1,001 to 5,000
- ☐ 101 to 1,000
- ☐ 5.001 trở lên

AS GU MH FM MP PW PR VI



Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Số tử vong đã xác nhận	Số tử vong có thể có	Tổng số tử vong
☐ Alabama	1,201	29	1,230
☐ Alaska	N/A	N/A	17
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	2,353	139	2,492
☐ Arkansas	N/A	N/A	341
☐ California	N/A	N/A	7,345
☐ Colorado	1,413	332	1,745
☐ Connecticut	3,515	874	4,389
☐ Delaware	463	58	521
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	574
☐ Florida	N/A	N/A	4,677
☐ Georgia	N/A	N/A	3,104

☐ Guam 	N/A	N/A	5
☐ Hawaii 	N/A	N/A	22
☐ Idaho 	93	21	114
☐ Illinois 	7,251	201	7,452
☐ Indiana 	2,602	193	2,795
☐ Iowa 	N/A	N/A	778
☐ Kansas 	N/A	N/A	299
☐ Kentucky 	646	4	650
☐ Louisiana 	3,375	110	3,485
☐ Maine 	N/A	N/A	115
☐ Marshall Islands 	N/A	N/A	0
☐ Maryland 	3,227	132	3,359
☐ Massachusetts 	8,163	217	8,380
☐ Michigan 	6,101	247	6,348
☐ Micronesia 	N/A	N/A	0
☐ Minnesota 	1,533	40	1,573
☐ Mississippi 	1,305	28	1,333
☐ Missouri 	N/A	N/A	1,113
☐ Montana 	37	0	37
☐ Nebraska 	N/A	N/A	299
☐ Nevada 	N/A	N/A	651
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	395
☐ New Jersey 	13,691	1,974	15,665
☐ New Mexico 	N/A	N/A	562
☐ New York 	N/A	N/A	8,762
☐ New York City 	18,758	4,619	23,377
☐ North Carolina 	N/A	N/A	1,588
☐ North Dakota 	N/A	N/A	89
☐ Northern Marianas 	2	0	2
☐ Ohio 	2,849	254	3,103
☐ Oklahoma 	432	0	432
☐ Oregon 	249	0	249
☐ Palau 	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania 	N/A	N/A	6,992
☐ Puerto Rico 	80	97	177
☐ Rhode Island 	N/A	N/A	988
☐ South Carolina 	1,053	17	1,070
☐ South Dakota 	114	1	115
☐ Tennessee 	767	29	796

☐ Texas 	N/A	N/A	3,561
☐ Utah 	235	0	235
☐ Vermont 	N/A	N/A	56
☐ Virgin Islands 	N/A	N/A	6
☐ Virginia 	1,909	104	2,013
☐ Washington 	N/A	N/A	1,427
☐ West Virginia 	N/A	N/A	99
☐ Wisconsin 	831	7	838
☐ Wyoming 	24	0	24

New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](#) 

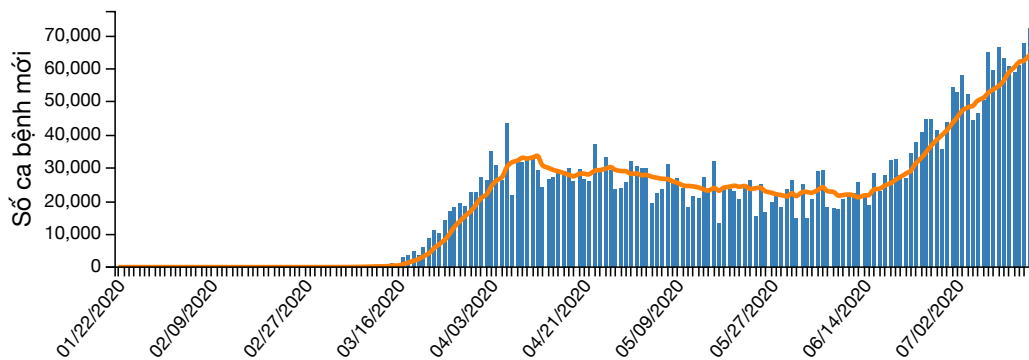
Chọn một Tiểu Bang



Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



☐ Ca Bệnh ☐ Trung bình 7 ngày [Cài đặt lại](#)

Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu									
	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0	0	0	
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	0	0	0	0	

[Cuộn để xem thông tin bổ sung](#)

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 2.773.389 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 592.550 (21,4%) người. Trong số 101.789 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 67.669 (66,5%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP

101.789

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP

540

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Trang được xem xét lần cuối: 17 Tháng Bảy năm 2020

Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chứng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)